

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MANG YANG  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 21 tháng 6 năm 2019.  
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Trương Nam Trung**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Thân Văn Thái** và ông **Nguyễn An Tâm**.

**- Thư ký phiên toà:** Ông **Phan Văn Thạch** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị D** - sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Tổ 14, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**Bị đơn:** Ông **Vũ Ngọc L** - Sinh năm: 1976.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 14, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Chỗ ở hiện nay: Phạm nhân đang chấp hành án tại phân trại số 2, trại giam G, Cục C10, Bộ Công an. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2018, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D yêu cầu khởi kiện như sau:*

Bà và ông Vũ Ngọc L sống chung với nhau từ năm 1999 tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai nhưng do cuộc sống khó khăn, mãi lo làm ăn nên ông bà không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Cho đến nay ông bà vẫn chưa đăng ký kết hôn.

Trong thời gian chung sống với nhau thì thời gian đầu cuộc sống gia đình có hạnh phúc nhưng cũng chỉ được một thời gian ngắn rồi sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống với nhau nhưng không có sự tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống của người

nào thì người nấy tự lo. Ông L không tu chí làm ăn, thường hay đánh đập vợ con, thường xuyên giao du với đám bạn bè nghiện ngập sau đó phạm tội và phải đi chấp hành án tại trại giam G.

Nay bà D xác định mình không còn tình cảm gì với ông L nữa, cuộc sống chung của vợ chồng cũng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Vũ Ngọc L.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Vũ Ngọc L có ba con chung là Vũ Thị Kim A – sinh ngày: 25/11/2000, Vũ Thị Thu P – sinh ngày: 11/9/2005 và Vũ Thị Thu Y – sinh ngày: 24/8/2009.

Hiện tại con Vũ Thị Kim A – sinh ngày: 25/11/2000 đã thành niên, lập gia đình riêng, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với hai con Vũ Thị Thu P và Vũ Thị Thu Y bà D có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D đã cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm đơn xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 20 tháng 7 năm 2018; 03 bản photocopy có chứng thực giấy khai sinh mang tên Vũ Thị Kim A – sinh ngày: 25/11/2000, Vũ Thị Thu P – sinh ngày: 11/9/2005 và Vũ Thị Thu Y – sinh ngày: 24/8/2009.

*\* Tại phiên toà, bị đơn ông Vũ Ngọc L trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị D sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng cho đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Trong quá trình chung sống với nhau cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau trong nhiều vấn đề, vợ chồng sống với nhau nhưng phần ai nấy lo, không có sự tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau, vì vậy nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị D có ba con chung là Vũ Thị Kim A – sinh ngày: 25/11/2000, Vũ Thị Thu P – sinh ngày: 11/9/2005 và Vũ Thị Thu Y – sinh ngày: 24/8/2009. Hiện tại con Vũ Thị Kim A đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình nên ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với hai con nhỏ là Vũ Thị Thu P và Vũ Thị Thu Y, do ông L hiện tại không có điều kiện nuôi con nên ông L đồng ý giao hai con cho bà D chăm sóc nuôi dưỡng và ông không phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con

Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 08/3/2019; tham gia phiên hòa giải vào các ngày 08/3/2019 và ngày 24/4/2019; tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm vào ngày 21/6/2019, ông Vũ Ngọc L đồng ý nhận các văn bản tố tụng trên và tham gia đầy đủ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hòa giải nhưng ông không đồng ý ký tên vào các biên bản tố tụng của tòa án. Vì vậy Tòa án phải lập các biên bản về việc đương sự không đồng ý ký tên vào biên bản tố tụng của Tòa án để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Ngọc L và bà Nguyễn Thị D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Tuy việc chung sống của ông L và bà D là tự nguyện nhưng việc ông bà không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là đã quy phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy theo quy định của Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì ông Vũ Ngọc L và bà Nguyễn Thị D không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà D và ông L có 03 con chung là Vũ Thị Kim A – sinh ngày: 25/11/2000, Vũ Thị Thu P – sinh ngày: 11/9/2005 và Vũ Thị Thu Y – sinh ngày: 24/8/2009, hiện tại con chung của ông bà là Vũ Thị Kim A đã thành niên, đã có gia đình riêng, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình nên bà D và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với hai con Vũ Thị Thu P và Vũ Thị Thu Y bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông L đóng góp nuôi con, tại phiên tòa ông L cũng đồng ý giao con cho bà D nuôi dưỡng và ông không đóng góp nuôi con. Do các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà D và ông L.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Vũ Ngọc L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Vũ Ngọc L xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D là nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

**Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Vũ Ngọc L là vợ chồng.

**Về con chung:** Giao con chung Vũ Thị Thu P – sinh ngày: 11/9/2005 và Vũ Thị Thu Y – sinh ngày: 24/8/2009 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng khi con chưa thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

**Về cấp dưỡng nuôi con:** Bà Nguyễn Thị D không yêu cầu ông Vũ Ngọc L phải đóng góp nuôi con chung.

**Về án phí:** Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000824 ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

**Thời hạn kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/6/2019), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (khi án có hiệu lực);
- UBND thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Trương Nam Trung**